

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH RIÊNG
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY
Năm 2016

Đà Nẵng, 04/2016

MỤC LỤC

1. Mục đích.....	1
1.1 Mục đích	1
1.2 Phương án tuyển sinh	2
2. Đối tượng tuyển sinh	3
3. Phương thức tuyển sinh	3
3.1 Xét tuyển sử dụng kết quả thi THPT Quốc gia	3
3.2 Xét tuyển theo kết quả học tập THPT	3
3.2.1. Phân hiệu Kon Tum.....	3
3.2.2. Viện nghiên cứu và đào tạo Việt Anh.....	3
3.2.3. Trường Cao đẳng Công nghệ.....	4
3.2.4. Trường Cao đẳng Công nghệ thông tin.....	5
3.3 Thi tuyển các môn năng khiếu	5
3.3.1. Trường Đại học Bách khoa.....	5
3.3.2. Trường Đại học Sư phạm	5
3.3.3. Trường Cao đẳng công nghệ.....	6
4. Tổ chức tuyển sinh.....	6
4.1 Quy trình tổ chức xét tuyển, thi tuyển.....	6
4.2 Chuẩn bị thi.....	7
4.3 Ra đề thi các môn thi năng khiếu	8
4.4 Chấm thi.....	8
4.5 Công tác hậu kiểm.....	8
4.6 Công tác khác	8
5. Lệ phí tuyển sinh	8
6. Điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh.....	8
6.1 Về nhân lực	8
6.2 Cơ sở vật chất.....	9
7. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và giải quyết các khiếu nại, tố cáo	9
8. Chế độ thông tin, báo cáo.....	9

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH RIÊNG VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2016

Căn cứ:

- Luật Giáo dục năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009;
- Luật Giáo dục Đại học;
- Quyết định số 221/2005/QĐ-TTg ngày 09 tháng 9 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Chương trình Quốc gia phát triển nhân lực đến năm 2020;
- Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020";
- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về *“Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*;
- Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đối với các cơ sở giáo dục đại học;
- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BGDĐT ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy;
- Công văn số 582/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 17 tháng 2 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát, cung cấp thông tin để xây dựng phần mềm quản lý thi THPT quốc gia và tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy năm 2016;
- Công văn số 525/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 03 tháng 02 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức kỳ thi THPT quốc gia và tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy năm 2016.

Đại học Đà Nẵng xây dựng Đề án tuyển sinh riêng vào Đại học, Cao đẳng hệ chính quy năm 2016 với các nội dung sau:

1. Mục đích

1.1 Mục đích

Đại học Đà Nẵng là đại học trọng điểm quốc gia ở khu vực Miền Trung và Tây Nguyên, đào tạo đa cấp, đa ngành, đa lĩnh vực. Trong những năm qua, công tác tuyển sinh của Đại học Đà Nẵng theo kỳ thi chung do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức có nhiều thuận lợi và có nguồn tuyển ổn định. Điểm chuẩn trúng tuyển vào các ngành tại trường thành viên của Đại học Đà Nẵng luôn ở mức cao.

Từ năm 2014, Đại học Đà Nẵng bắt đầu tuyển sinh riêng với 8 ngành, trong đó có 2 ngành có môn thi năng khiếu và 6 ngành xét tuyển theo kết quả

học THPT trên tổng số 119 ngành tuyển sinh trình độ đại học, cao đẳng. Phương thức tuyển sinh riêng tỏ ra hiệu quả đối với Phân hiệu Kon Tum. Tỷ lệ thí sinh đăng ký nhập học so với thí sinh trúng tuyển khá cao và đa số thí sinh nhập học có hộ khẩu thường trú tại các tỉnh Tây Nguyên.

Năm 2015, Đại học Đà Nẵng tiếp tục tổ chức tuyển sinh riêng với 13 ngành, trong đó có 4 ngành có môn thi năng khiếu và 9 ngành xét tuyển trình độ đại học, cao đẳng. Kết quả tuyển sinh riêng năm 2015 như sau:

- Các ngành thi tuyển môn thi năng khiếu có số lượng thí sinh đăng ký dự tuyển lớn. Chất lượng nguồn tuyển tốt và hầu hết thí sinh trúng tuyển đều nhập học.

- Các ngành xét tuyển qua kết quả học tập THPT trình độ đại học của Phân hiệu Kon Tum có tỉ lệ thí sinh đăng ký và nhập học cao.

- Các ngành xét tuyển trình độ cao đẳng qua hình thức tuyển sinh riêng có rất ít thí sinh đăng ký dự tuyển và nhập học (32,86% tại PHKT và 20% tại trường ĐCĐN).

Phương án kết hợp tuyển sinh theo kết quả thi THPT quốc gia và tuyển sinh riêng đối với một số ngành đặc thù trong các năm 2014, 2015 của Đại học Đà Nẵng đạt được mục tiêu đề ra. Phương thức tuyển sinh này vừa đảm bảo cách tuyển sinh ổn định đối với các ngành truyền thống, đồng thời cũng tạo định hướng và lựa chọn nghề nghiệp rõ ràng trong tuyển sinh các ngành năng khiếu và bổ sung nguồn tuyển đa dạng qua hình thức xét tuyển kết quả học THPT.

Tiếp tục thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giao quyền tự chủ cho các trường trong công tác tuyển sinh, năm 2016 Đại học Đà Nẵng tiếp tục kết hợp tuyển sinh dựa trên kết quả kỳ thi THPT Quốc gia với tuyển sinh riêng nhằm mục đích:

- Thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục thực hiện phương thức tuyển sinh riêng theo tinh thần tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học.

- Đảm bảo chất lượng, phù hợp ngành nghề đào tạo, thực tiễn địa phương và nhu cầu nhân lực xã hội cần.

1.2 Phương án tuyển sinh

Phương án tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2016 của Đại học Đà Nẵng theo những nguyên tắc sau:

- Tuyển sinh sử dụng kết quả thi THPT Quốc gia, cụm thi đại học, đối với tất cả các ngành.

- Tổ chức thi tuyển môn năng khiếu đối với các ngành năng khiếu.

- Sử dụng kết quả học tập THPT (học bạ) của thí sinh để xét tuyển vào các ngành của Phân hiệu Kon Tum, Viện nghiên cứu và đào tạo Việt Anh, trường Cao đẳng Công nghệ, trường Cao đẳng Công nghệ thông tin.

2. Đối tượng tuyển sinh

Học sinh đã tốt nghiệp THPT trên toàn quốc.

3. Phương thức tuyển sinh

3.1 Xét tuyển sử dụng kết quả thi THPT Quốc gia

Năm 2016, Đại học Đà Nẵng đăng ký thực hiện tuyển sinh sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia cụm thi do các trường đại học chủ trì vào tất cả các ngành đào tạo (phụ lục 1).

Việc sử dụng kết quả thi THPT Quốc gia để xét tuyển được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2 Xét tuyển theo kết quả học tập THPT

3.2.1. Phân hiệu Kon Tum

TT	NGÀNH	Mã ngành	Môn xét tuyển
1	Kinh tế phát triển	D310101	Toán TB + Văn TB + Môn tự chọn TB (<i>Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tiếng Anh</i>)
2	Quản trị kinh doanh	D340101	
3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D340103	
4	Kinh doanh thương mại	D340121	
5	Kế toán	D340301	
6	Kiểm toán	D340302	
7	Luật kinh tế	D380107	
8	Kinh doanh nông nghiệp	D620114	
9	Tài chính - ngân hàng	D340201	
10	Công nghệ thông tin	D480201	Toán TB + Môn tự chọn 1 TB + Môn tự chọn 2 TB (<i>Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh</i>)
11	Kỹ thuật điện, điện tử	D520201	
12	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	D580205	

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

- Tốt nghiệp THPT.
- Điểm trung bình của 3 môn dùng để xét tuyển trong năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ I lớp 12 (5 học kỳ) của thí sinh không nhỏ hơn 6,0.

3.2.2. Viện nghiên cứu và đào tạo Việt Anh

TT	NGÀNH	Mã ngành	Môn xét tuyển
1	Quản trị và Kinh doanh quốc tế (IBM)		Toán TB+ Lý TB+ Hóa TB Toán TB+ Lý TB+ Anh TB
2	Khoa học và kỹ thuật máy tính (CSE)		Toán TB+ Văn TB+ Anh TB

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

- Tốt nghiệp THPT.
- Điểm trung bình của 3 môn dùng để xét tuyển trong năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ I lớp 12 (5 học kỳ) của thí sinh không nhỏ hơn 6,0.

- Tham gia phỏng vấn trước hội đồng tuyển sinh của Viện và được công nhận đủ điều kiện học tập.
- Ưu tiên cho thí sinh có các giải thưởng và thành tích hoạt động ngoại khóa.

3.2.3. Trường Cao đẳng Công nghệ

TT	NGÀNH	Mã ngành	Môn xét tuyển
1	Hệ thống thông tin quản lý	C340405	Toán TB + Lý TB + Hóa TB Toán TB + Lý TB + Anh TB Toán TB + Văn TB + Anh TB
2	Công nghệ sinh học	C420201	Toán TB + Lý TB + Hóa TB Toán TB + Hóa TB + Sinh TB Toán TB + Hóa TB + Anh TB Toán TB + Sinh TB + Anh TB
3	Công nghệ thông tin	C480201	Toán TB + Lý TB + Hóa TB Toán TB + Lý TB + Anh TB Toán TB + Văn TB + Anh TB
4	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	C510101	Toán TB + Lý TB + Hóa TB Toán TB + Lý TB + Anh TB Toán TB + Lý TB + Văn TB Toán TB + Văn TB + Anh TB
5	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	C510102	Toán TB + Lý TB + Hóa TB Toán TB + Văn TB + Anh TB
6	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	C510103	
7	Công nghệ kỹ thuật giao thông	C510104	
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	C510201	
9	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	C510203	
10	Công nghệ kỹ thuật ô tô	C510205	
11	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	C510206	
12	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	C510301	
13	Công nghệ kỹ thuật điện tử - truyền thông	C510302	
14	Quản lý xây dựng	C580302	

15	Công nghệ kỹ thuật hoá học	C510401	Toán TB + Lý TB +
16	Công nghệ kỹ thuật môi trường	C510406	Hóa TB
17	Công nghệ thực phẩm	C540102	Toán TB + Hóa TB + Sinh TB Toán TB + Hóa TB + Anh TB

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

- Tốt nghiệp THPT.
- Điểm môn xét tuyển là điểm trung bình môn học năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ I lớp 12 (5 học kỳ).

3.2.4. Trường Cao đẳng Công nghệ thông tin

TT	NGÀNH	Mã ngành	Môn xét tuyển
1	Quản trị kinh doanh	C340101	Toán TB + Lý TB + Hóa TB
2	Marketing	C340115	
3	Kế toán	C340301	
4	Khoa học máy tính	C480101	Toán TB + Lý TB + Anh TB
5	Truyền thông và mạng máy tính	C480102	
6	Hệ thống thông tin	C480104	Toán TB + Hóa TB +Sinh TB
7	Công nghệ thông tin	C480201	
8	Tin học ứng dụng	C480202	Toán TB + Anh TB + Văn TB
9	Công nghệ kỹ thuật máy tính	C510304	

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

- Tốt nghiệp THPT.
- Điểm môn xét tuyển là điểm trung bình môn học năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ I lớp 12 (5 học kỳ).

3.3 Thi tuyển các môn năng khiếu

3.3.1. Trường Đại học Bách khoa

TT	NGÀNH	Mã ngành	Môn xét tuyển
1	Kiến trúc	D580102	Vẽ mỹ thuật + Toán + Văn Vẽ mỹ thuật + Toán + Lý Vẽ mỹ thuật + Toán + Anh

Môn Vẽ mỹ thuật do Đại học Đà Nẵng ra đề và tổ chức thi; các môn khác lấy kết quả thi của kỳ thi THPT Quốc gia, cụm thi do các trường đại học chủ trì.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

- Tốt nghiệp THPT.
- Điểm thi môn Vẽ mỹ thuật (chưa nhân hệ số) không nhỏ hơn 5,0.

3.3.2. Trường Đại học Sư phạm

TT	NGÀNH	Mã ngành	Môn xét tuyển
1	Giáo dục Mầm non	D140201	Toán + Văn + Năng khiếu
2	Sư phạm Âm nhạc	D140221	Văn + Năng khiếu âm nhạc 1*2 + Năng khiếu âm nhạc 2*2

Các môn năng khiếu do ĐHQĐN ra đề và tổ chức thi; Môn Toán và Văn lấy kết quả thi của kỳ thi THPT Quốc gia, cụm thi do các trường đại học chủ trì.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

- Tốt nghiệp THPT.
- Điểm thi các môn năng khiếu (chưa nhân hệ số) không nhỏ hơn 5,0.

3.3.3. Trường Cao đẳng công nghệ

TT	NGÀNH	Mã ngành	Môn xét tuyển
1	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	C510101	Toán*1,5 + Văn + Vẽ mỹ thuật*2

Môn Vẽ mỹ thuật do các trường đại học trên toàn quốc tổ chức thi; môn Toán và Văn lấy kết quả thi của kỳ thi THPT Quốc gia, cụm thi do các trường đại học chủ trì.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:

- Tốt nghiệp THPT.
- Điểm thi môn Vẽ mỹ thuật (chưa nhân hệ số) không nhỏ hơn 4,0.

4. Tổ chức tuyển sinh

4.1 Quy trình tổ chức xét tuyển, thi tuyển

4.1.1. Đăng ký thi tuyển, xét tuyển

Thí sinh đăng ký dự thi các môn năng khiếu, đăng ký xét tuyển theo kết quả học THPT theo hình thức trực tuyến tại địa chỉ <http://ts.udn.vn>

a) Xét tuyển theo kết quả học THPT

Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm:

- Đơn đăng ký xét tuyển theo phương thức tuyển sinh riêng vào Đại học Đà Nẵng năm 2016 (Phụ lục 3) (In trực tuyến).
- Minh chứng hợp lệ để hưởng các chính sách ưu tiên.
- Lệ phí xét tuyển.

b) Thi tuyển các môn năng khiếu

Hồ sơ đăng ký dự thi gồm:

- Đơn đăng ký dự thi môn năng khiếu dùng cho tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy năm 2016 (Phụ lục 4) (In trực tuyến).
- Lệ phí dự thi.

4.1.2. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ

a) Thời gian

- Thời gian nộp Hồ sơ đăng ký dự thi các môn năng khiếu: từ ngày **01/4/2016 đến hết ngày 31/5/2016**.
- Thời gian nộp Hồ sơ đăng ký xét tuyển vào các ngành sử dụng kết quả học THPT:

- + Đợt 1 từ ngày **15/4/2016 đến hết ngày 15/7/2016** (dành cho Phân hiệu Kon Tum, Viện nghiên cứu và đào tạo Việt Anh, trường Cao đẳng Công nghệ, trường Cao đẳng Công nghệ thông tin).
 - + Các đợt bổ sung: cùng thời gian với các đợt xét tuyển bổ sung sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia (dành cho Phân hiệu Kon Tum, Viện nghiên cứu và đào tạo Việt Anh, trường Cao đẳng Công nghệ, trường Cao đẳng Công nghệ thông tin).
 - + Trường Cao đẳng Công nghệ có thêm đợt xét tuyển từ ngày 01/12/2016 đến hết ngày 20/12/2016.
- Thí sinh nộp hồ sơ qua hình thức chuyển phát nhanh, thư bảo đảm.

b) Địa điểm nhận hồ sơ

Địa điểm số 1:

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Ban Đào tạo
41 Lê Duẩn, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng

Địa điểm số 2:

PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TẠI KON TUM
704 Phan Đình Phùng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum

Địa điểm số 3:

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ
Địa chỉ: 48 Cao Thắng, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

4.1.3. Thời gian thi các môn năng khiếu

Thí sinh làm thủ tục dự thi: sáng ngày 07/7/2016.
Thi các môn năng khiếu: ngày 08/7/2016.

4.1.4. Thời gian công bố kết quả xét tuyển, thi tuyển

Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

4.1.5. Chính sách ưu tiên

Các đối tượng ưu tiên chính sách hay khu vực được cộng điểm ưu tiên theo qui định hiện hành. Điểm ưu tiên chỉ được cộng để xét tuyển sau khi thí sinh đạt ngưỡng chất lượng đầu vào.

4.2 Chuẩn bị thi

Đại học Đà Nẵng thành lập Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc tổ chức công tác tuyển sinh theo các quy định hiện hành.

Hội đồng tuyển sinh của Đại học Đà Nẵng sẽ tổ chức thi tuyển các môn năng khiếu và xét tuyển. Ban Đề thi sẽ chỉ đạo trực tiếp công tác ra đề thi riêng các môn năng khiếu theo quy chế hiện hành.

Thông tin chi tiết về kỳ thi tuyển sinh sẽ được thông báo bằng văn bản đến các Sở Giáo dục và Đào tạo, trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên trang web của Đại học Đà Nẵng (www.udn.vn) và các trường thành viên.

Thông tin về tuyển sinh riêng được in trên tờ rơi và gửi đến các trường PTTH trong khu vực và các tỉnh, thành phố trong cả nước. Ngoài ra, mục Tư vấn tuyển sinh trực tuyến của Đại học Đà Nẵng tại địa chỉ <http://ts.udn.vn> sẽ giải đáp các thắc mắc của thí sinh, phụ huynh trước và sau các đợt thi tuyển sinh.

4.3 Ra đề thi các môn thi năng khiếu

Môn Vẽ mỹ thuật (đại học, cao đẳng) thi vẽ theo mẫu vật được bố trí sẵn tại phòng thi.

Môn Năng khiếu (đối với tuyển sinh ngành Giáo dục mầm non) thi 3 phân môn gồm: Đọc, Kể diễn cảm, Hát.

Các môn năng khiếu của ngành Sư phạm âm nhạc: Năng Khiếu âm nhạc 1 (Ký - Xướng âm), Năng Khiếu âm nhạc 2 (Đàn - Hát).

4.4 Chấm thi và thông báo kết quả thi

Việc tổ chức chấm thi các môn năng khiếu do giảng viên của Đại học Đà Nẵng thực hiện theo quy định.

Thí sinh dự thi các môn năng khiếu được cấp 02 giấy chứng nhận kết quả thi để xét tuyển vào Đại học, Cao đẳng.

4.5 Công tác hậu kiểm

Sau khi thí sinh trúng tuyển nhập học, toàn bộ hồ sơ đăng ký dự thi của thí sinh trúng tuyển được Đại học Đà Nẵng chuyển về cơ sở đào tạo. Các trường thành viên có trách nhiệm kiểm tra các minh chứng xác nhận các chính sách ưu tiên, đối chiếu kết quả học tập thí sinh đã khai báo trong Bảng đăng ký xét tuyển vào Đại học Đà Nẵng với học bạ phổ thông trung học của thí sinh. Trường hợp phát hiện thí sinh khai báo sai, thí sinh sẽ được xử lý theo quy định.

4.6 Công tác khác

Các công tác liên quan đến kỳ thi bao gồm: thanh tra, giám sát quá trình tổ chức thi, chấm thi; phúc khảo và kiểm tra việc phúc khảo; công bố kết quả tuyển sinh; triệu tập thí sinh trúng tuyển; công tác đảm bảo an toàn cho kỳ thi; công tác tài chính v.v... được thực hiện theo các quy định hiện hành trong tuyển sinh.

5. Lệ phí tuyển sinh

- Lệ phí thi tuyển các môn năng khiếu: 300.000 VNĐ/hồ sơ.
- Lệ phí xử lý hồ sơ và xét tuyển theo kết quả học THPT: 30.000 VNĐ/hồ sơ.

6. Điều kiện thực hiện phương án tuyển sinh

6.1 Về nhân lực

Số liệu cán bộ, giảng viên Đại học Đà Nẵng tính đến ngày 31/12/2015

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG CỘNG	GIẢNG VIÊN	HỌC HÀM		TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO			
				GS	PGS	Trình độ chuyên môn			
						TS, TSKH	Th.S	ĐH, CĐ	Còn lại
1	Cơ quan Đại học Đà Nẵng	242	70	2	9	26	61	126	29
2	Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt - Anh	17	4	0	0	4	6	6	1
3	Trường Đại học Bách khoa	582	387	2	28	140	228	155	59
4	Trường Đại học Kinh tế	335	250	2	16	60	148	104	23
5	Trường Đại học Sư phạm	383	257	1	12	57	178	101	47
6	Trường Đại học Ngoại ngữ	299	227	0	3	27	178	80	14
7	Phân hiệu ĐHDN tại KonTum	82	56	0	0	2	36	43	1
8	Khoa Y - Dược ĐHDN	36	24	0	0	3	13	18	2
9	Trường Cao đẳng Công nghệ	230	127	0	1	15	83	93	39
10	Trường Cao đẳng CN Thông tin	90	52	0	0	3	35	40	12
	TỔNG CỘNG	2296	1454	7	69	337	966	766	227

6.2 Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất tính đến ngày 31/12/2015

Hạng mục	Diện tích xây dựng (m ²)
a) Hội trường, giảng đường, phòng học các loại	82661
b) Thư viện, trung tâm học liệu	10751
c) Phòng thí nghiệm, phòng thực hành, nhà tập đa năng, xưởng thực tập	30833
Tổng	124245

Đại học Đà Nẵng đáp ứng đầy đủ các điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất quy định tại Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và giải quyết các khiếu nại, tố cáo

Phối hợp với Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan bảo vệ an ninh nội bộ tổ chức tốt việc giám sát, thanh tra, kiểm tra công tác tuyển sinh (Ban Thanh tra- Đại học Đà Nẵng).

Đại học Đà Nẵng có bộ phận thường trực là Ban Đào tạo để tiếp nhận, giải quyết và tham mưu cho Ban Giám đốc giải quyết các vụ việc liên quan công tác tuyển sinh.

8. Chế độ thông tin, báo cáo

Thực hiện nghiêm túc, kịp thời chế độ thông tin, báo cáo trước, trong và sau khi kết thúc tuyển sinh theo quy định (Ban Đào tạo thực hiện).

Trên đây là Đề án tuyển sinh riêng vào đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2016 của Đại học Đà Nẵng.

Đại học Đà Nẵng kính trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét và phê duyệt.

Trân trọng./.

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2016

GIÁM ĐỐC

Phụ lục 1

Các ngành tuyển sinh theo kết quả thi THPT quốc gia của Đại học Đà Nẵng năm 2016

Ký hiệu trường	Tên trường/Ngành học	Mã ngành	Môn thi/xét tuyển	Chỉ tiêu	Liên thông	
DDK	I. TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA			2840	300	
1	Sư phạm kỹ thuật công nghiệp	D140214	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh	45		
2	Công nghệ sinh học	D420201	Toán, Hóa, Lý Toán, Hóa, Anh Toán, Hóa, Sinh	70	LT	
3	Công nghệ thông tin	D480201	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh	270	LT	
4	Công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng	D510105		60	LT	
5	Công nghệ chế tạo máy	D510202		130	LT	
6	Quản lý công nghiệp	D510601		60	LT	
7	Kỹ thuật cơ khí	D520103		130	LT	
8	Kỹ thuật cơ - điện tử	D520114		110	LT	
9	Kỹ thuật nhiệt	D520115		110	LT	
10	Kỹ thuật tàu thủy	D520122		60	LT	
11	Kỹ thuật điện, điện tử	D520201		210	LT	
12	Kỹ thuật điện tử và viễn thông	D520209		160	LT	
13	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	D520216		150	LT	
14	Kỹ thuật hóa học	D520301		70	LT	
15	Kỹ thuật môi trường	D520320		70	LT	
16	Kỹ thuật dầu khí	D520604		80		
17	Công nghệ thực phẩm	D540101		Toán, Hóa, Lý Toán, Hóa, Anh Toán, Hóa, Sinh	115	LT
18	Kiến trúc	D580102		Vẽ mỹ thuật + Toán + Văn Vẽ mỹ thuật + Toán + Lý Vẽ mỹ thuật+ Toán + Anh	80	
19	Kỹ thuật công trình xây dựng	D580201	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh	200	LT	
20	Kỹ thuật công trình thủy	D580202		65	LT	
21	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	D580205		175	LT	
22	Kỹ thuật xây dựng	D580208		50	LT	
23	Kinh tế xây dựng	D580301		110	LT	
24	Quản lý tài nguyên và môi trường	D850101		Toán, Hóa, Lý Toán, Hóa, Anh	60	LT
Chương trình đào tạo Kỹ sư chất						

lượng cao Việt-Pháp					
Ngành Kỹ thuật điện điện tử (chuyên ngành Tin học công nghiệp); Ngành Kỹ thuật cơ khí (chuyên ngành Sản xuất tự động); Ngành Công nghệ thông tin (chuyên ngành Công nghệ phần mềm)			Toán*3+ Lý*2+ Hóa	80	
			Toán*3+ Lý*2+ Anh		
Chương trình tiên tiến					
1	CTTT ngành Điện tử viễn thông	D905206	Anh*2+Toán+Lý	80	
2	CTTT ngành Hệ thống nhúng	D905216	Anh*2+Toán+Hóa	40	
DDQ	II. TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ		Môn thi/xét tuyển	3200	165
1	Kinh tế	D310101	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Toán, Văn, Anh	250	
2	Quản lý Nhà nước	D310205		100	
3	Quản trị kinh doanh	D340101		440	
4	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D340103		240	LT
5	Quản trị khách sạn	D340107		130	
6	Marketing	D340115		160	
7	Kinh doanh quốc tế	D340120		240	
8	Kinh doanh thương mại	D340121		150	LT
9	Tài chính - Ngân hàng	D340201		360	LT
10	Kế toán	D340301		320	LT
11	Kiểm toán	D340302		200	
12	Quản trị nhân lực	D340404		100	
13	Hệ thống thông tin quản lý	D340405		210	LT
14	Luật	D380101		90	
15	Luật kinh tế	D380107		150	
16	Thống kê	D460201		60	
DDF	III. TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ		Môn thi/xét tuyển	1660	
1	Sự phạm tiếng Anh	D140231	Toán+Văn+Anh*2	105	
2	Sự phạm tiếng Pháp	D140233	Toán+Văn+Anh*2 Toán +Văn+Pháp*2	35	
3	Sự phạm tiếng Trung Quốc	D140234	Toán+Văn+Anh*2 Toán+Văn+Trung*2	35	
4	Ngôn ngữ Anh	D220201	Toán +Văn +Anh*2	765	
5	Ngôn ngữ Nga	D220202	Toán+Văn+Anh*2 Toán +Văn + Nga*2 Toán +Lý+ Anh*2	70	
6	Ngôn ngữ Pháp	D220203	Toán+Văn+Anh*2 Toán +Văn+Pháp*2	70	
7	Ngôn ngữ Trung Quốc	D220204	Toán+Văn+Anh*2 Toán+Văn+Trung*2	140	
8	Ngôn ngữ Nhật	D220209	Toán+Văn+Anh*2 Toán+Văn + Nhật*2	105	
9	Ngôn ngữ Hàn Quốc	D220210	Toán+Văn+Anh*2	105	
10	Quốc tế học	D220212	Toán+Văn+Anh*2	140	
11	Đông phương học	D220213	Toán +Lý+Anh*2	90	

DDS	IV. TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM		Môn thi/xét tuyển	2155	
1	Giáo dục Tiểu học	D140202	Toán, Văn, Anh	55	
2	Giáo dục Chính trị	D140205	Văn, Địa, Sử Văn, Toán, Anh	45	
3	Sư phạm Toán học	D140209	Toán, Lý, Hóa;	45	
4	Sư phạm Tin học	D140210	Toán, Lý, Anh	45	
5	Sư phạm Vật lý	D140211	Lý, Toán, Hóa Lý, Toán, Anh	45	
6	Sư phạm Hoá học	D140212	Hóa, Toán, Lý	45	
7	Sư phạm Sinh học	D140213	Sinh, Toán, Hóa	45	
8	Sư phạm Ngữ văn	D140217	Văn, Sử, Địa	45	
9	Sư phạm Lịch sử	D140218	Sử, Văn, Địa	45	
10	Sư phạm Địa lý	D140219	Địa, Văn, Sử	45	
11	Việt Nam học	D220113	Văn, Địa, Sử Văn, Toán, Anh	80	
12	Lịch sử	D220310	Sử, Văn, Địa Văn, Toán, Anh	70	
13	Văn học	D220330	Văn, Địa, Sử;	110	
14	Văn hoá học	D220340	Văn, Toán, Anh	70	
15	Tâm lý học	D310401	Văn, Địa, Sử Sinh, Toán, Hóa	70	
16	Địa lý học	D310501	Địa, Văn, Sử Văn, Toán, Anh	70	
17	Báo chí	D320101	Văn, Địa, Sử Văn, Toán, Anh	140	
18	Công nghệ sinh học	D420201	Sinh, Hóa, Toán	70	
19	Vật lý học	D440102	Lý, Toán, Hóa Lý, Toán, Anh	70	
20	Hóa học	D440112	Hóa, Toán, Lý Hóa, Toán, Anh	230	
21	Địa lý tự nhiên	D440217	Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh	70	
22	Khoa học môi trường	D440301	Hóa, Toán, Lý	70	
23	Toán ứng dụng	D460112	Toán, Lý, Hóa;	130	
24	Công nghệ thông tin	D480201	Toán, Lý, Anh	210	
25	Công tác xã hội	D760101	Văn, Địa, Sử Văn, Toán, Anh	70	
26	Quản lý tài nguyên và môi trường	D850101	Sinh, Toán, Hóa	70	
27	Giáo dục Mầm non	D140201	Năng Khiếu + Toán + Văn	55	
28	Sư phạm Âm nhạc	D140221	Năng Khiếu 1 (Ký - Xương âm)*2+ Năng Khiếu 2 (Đàn -Hát)*2+ Văn	40	
DDP	V. PHÂN HIỆU ĐHDN TẠI KONTUM		Môn thi/xét tuyển	340	50

1	Giáo dục Tiểu học	D140202	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Toán, Văn, Anh	40	
2	Sư phạm Toán học	D140209		40	
3	Kinh tế phát triển	D310101		20	
4	Quản trị kinh doanh	D340101		20	LT
5	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D340103		20	
6	Kinh doanh thương mại	D340121		20	
7	Kế toán	D340301		20	LT
8	Kiểm toán	D340302		20	
9	Luật kinh tế	D380107		20	
10	Kinh doanh nông nghiệp	D620114		20	
11	Tài chính - ngân hàng	D340201		40	
12	Công nghệ thông tin	D480201	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Toán, Hóa, Anh	20	LT
13	Kỹ thuật điện, điện tử	D520201		20	
14	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	D580205		20	
DDY	VI. KHOA Y - DƯỢC			220	
1	Y đa khoa	D720101	Toán, Hóa, Sinh	150	
2	Điều dưỡng	D720501		70	
DDV	VII. VIỆN NGHIÊN CỨU & ĐÀO TẠO VIỆT ANH		Môn thi/xét tuyển	180	
1	Quản trị và Kinh doanh quốc tế (IBM)		Toán, Văn, Anh; Toán, Lý, Anh	90	
2	Khoa học và kỹ thuật máy tính (CSE)			90	
DDC	VIII. TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ		Môn thi/xét tuyển	1190	100
1	Hệ thống thông tin quản lý	C340405	Toán, Lý, Hóa	80	LT
			Toán, Lý, Anh		
			Toán, Văn, Anh		
2	Công nghệ sinh học	C420201	Toán, Lý, Hóa	70	
			Toán, Hóa, Sinh		
			Toán, Hóa, Anh		
			Toán, Sinh, Anh		
3	Công nghệ thông tin	C480201	Toán, Lý, Hóa	250	LT
			Toán, Lý, Anh		
			Toán, Văn, Anh		
4	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	C510101	Toán, Lý, Hóa	70	
			Toán, Lý, Anh		
			Toán, Lý, Văn		
			Toán*1.5+ Văn + Vẽ mỹ thuật*2		
5	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	C510102	Toán, Lý, Hóa; Toán, Lý, Anh; Toán, Lý, Văn; Toán, Văn, Anh	80	LT
6	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	C510103		140	LT
7	Công nghệ kỹ thuật giao thông	C510104		110	LT
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	C510201		210	LT
9	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	C510203		120	LT

10	Công nghệ kỹ thuật ô tô	C510205		210	LT
11	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	C510206		100	LT
12	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	C510301		320	LT
13	Công nghệ kỹ thuật điện tử - truyền thông	C510302		70	LT
14	Quản lý xây dựng	C580302		60	LT
15	Công nghệ kỹ thuật hoá học	C510401	Toán, Lý, Hóa;	60	LT
16	Công nghệ kỹ thuật môi trường	C510406	Toán, Hóa, Sinh;	100	LT
17	Công nghệ thực phẩm	C540102	Toán, Hóa, Anh	100	LT
DDI	IX. TRƯỜNG CĐ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN		Môn thi/xét tuyển	595	150
1	Quản trị kinh doanh	C340101		70	LT
2	Marketing	C340115		35	
3	Kế toán	C340301		70	LT
4	Khoa học máy tính	C480101	Toán, Lý, Hóa ;	35	
5	Truyền thông và mạng máy tính	C480102	Toán, Lý, Anh;	35	
6	Hệ thống thông tin	C480104	Toán, Hóa, Sinh;	35	
7	Công nghệ thông tin	C480201	Toán, Anh, Văn	210	LT
8	Tin học ứng dụng	C480202		70	
9	Công nghệ kỹ thuật máy tính	C510304		35	

Phụ lục 2

Các ngành tuyển sinh theo kết quả học THPT của Đại học Đà Nẵng năm 2016

Ký hiệu trường	Tên trường/Ngành học	Mã ngành	Môn thi/xét tuyển	Chỉ tiêu
DDP	PHÂN HIỆU ĐHQĐN TẠI KONTUM			260
1	Kinh tế phát triển	D310101	Toán TB+ Văn TB + môn tự chọn TB (Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tiếng Anh)	20
2	Quản trị kinh doanh	D340101		20
3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D340103		20
4	Kinh doanh thương mại	D340121		20
5	Kế toán	D340301		20
6	Kiểm toán	D340302		20
7	Luật kinh tế	D380107		20
8	Kinh doanh nông nghiệp	D620114		20
9	Tài chính - ngân hàng	D340201		40
10	Công nghệ thông tin	D480201		Toán TB + Môn tự chọn 1 TB + Môn tự chọn 2 TB (Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh)
11	Kỹ thuật điện, điện tử	D520201		20
12	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	D580205		20
DDV	VIỆN NGHIÊN CỨU & ĐÀO TẠO VIỆT - ANH			70
1	Quản trị và Kinh doanh quốc tế (IBM)		Toán TB+ Lý TB+ Hóa TB	30
2	Khoa học và kỹ thuật máy tính (CSE)		Toán TB+ Lý TB+ Anh TB	
			Toán TB+Văn TB+ Anh TB	40
DDC	TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ			860
1	Hệ thống thông tin quản lý	C340405	Toán TB + Lý TB + Hóa TB Toán TB + Lý TB + Anh TB Toán TB + Văn TB + Anh TB	
2	Công nghệ sinh học	C420201	Toán TB + Lý TB + Hóa TB Toán TB + Hóa TB + Sinh TB Toán TB + Hóa TB + Anh TB Toán TB + Sinh TB + Anh TB	
3	Công nghệ thông tin	C480201	Toán TB + Lý TB + Hóa TB Toán TB + Lý TB + Anh TB Toán TB + Văn TB + Anh TB	

4	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	C510101	Toán TB + Lý TB + Hóa TB Toán TB + Lý TB + Anh TB Toán TB + Lý TB + Văn TB Toán TB + Văn TB + Anh TB	
5	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	C510102	Toán TB + Lý TB + Hóa TB Toán TB + Lý TB + Anh TB Toán TB + Lý TB + Văn TB Toán TB + Văn TB + Anh TB	
6	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	C510103		
7	Công nghệ kỹ thuật giao thông	C510104		
8	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	C510201		
9	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	C510203		
10	Công nghệ kỹ thuật ô tô	C510205		
11	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	C510206		
12	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	C510301		
13	Công nghệ kỹ thuật điện tử - truyền thông	C510302		
14	Quản lý xây dựng	C580302		
15	Công nghệ kỹ thuật hoá học	C510401	Toán TB + Lý TB + Hóa TB Toán TB + Hóa TB + Sinh TB Toán TB + Hóa TB + Anh TB	
16	Công nghệ kỹ thuật môi trường	C510406		
17	Công nghệ thực phẩm	C540102		
DDI	TRƯỜNG CĐ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN			255
1	Quản trị kinh doanh	C340101	Toán TB + Lý TB + Hóa TB Toán TB + Lý TB + Anh TB Toán TB + Hóa TB + Sinh TB Toán TB + Anh TB + Văn TB	30
2	Marketing	C340115		15
3	Kế toán	C340301		30
4	Khoa học máy tính	C480101		15
5	Truyền thông và mạng máy tính	C480102		15
6	Hệ thống thông tin	C480104		15
7	Công nghệ thông tin	C480201		90
8	Tin học ứng dụng	C480202		30
9	Công nghệ kỹ thuật máy tính	C510304		15

Mẫu đăng ký xét tuyển

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THEO PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH RIÊNG
VÀO ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG NĂM 2016**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. **Họ, chữ đệm và tên của thí sinh** (viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

2. **Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở đầu mỗi ô)

3. **Nơi sinh:** (*tỉnh hoặc thành phố*)

Dân tộc (ghi bằng chữ)

4. **Giấy chứng minh nhân dân số** (Ghi mỗi số vào một ô)

5. **Hộ khẩu thường trú:**

Ghi rõ tên tỉnh(thành phố), huyện (quận), xã (phường) vào dòng

trống sau:

Mã tỉnh(Tp)

Mã huyện(quận)

Mã xã(phường)

6. **Nơi học THPT hoặc tương đương:** (ghi tên trường và nơi trường đóng: huyện (quận), tỉnh (thành phố) và ghi mã tỉnh, mã trường):

Năm lớp 10.....

Năm lớp 11.....

Năm lớp 12.....

Mã tỉnh

Mã trường

7. Thuộc khu vực nào thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó: KV1, KV2-NT, KV2, KV3

8. **Đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh:** 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07 (thuộc đối tượng nào thì khoanh tròn vào đối tượng đó)

9. **Năm tốt nghiệp THPT hoặc tương đương** (ghi đủ 4 số của năm tốt nghiệp vào ô)

10. **Địa chỉ nhận kết quả xét tuyển:**

11. **Điện thoại:**

Email:

12. **Kết quả học tập**

	HK1 lớp 10	HK2 lớp 10	HK1 lớp 11	HK2 lớp 11	HK1 lớp 12	Điểm trung bình
Toán						
Văn						
Tiếng Anh						
Vật lý						
Hóa học						
Sinh học						

B. ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

13. **Tên trường:**.....Mã trường

14. **Tên ngành:**.....Mã ngành

Tổ hợp môn dùng để xét tuyển: Môn 1.....Môn 2.....Môn 3.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trong Đơn đăng ký xét tuyển này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu xử lý theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

XÁC NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP

....., ngày.....tháng.....năm 2016

HIỆU TRƯỞNG

(ký tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm 2016

Thí sinh

(ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu đăng ký dự thi môn năng khiếu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NĂNG KHIẾU
DÙNG CHO TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2016

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. **Họ, chữ đệm và tên của thí sinh** (viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

.....Giới (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)

2. **Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh**

(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở đầu mỗi ô)

--	--	--	--

3. **Nơi sinh:** (tỉnh hoặc thành phố).....**Dân tộc** (ghi bằng chữ).....

4. **Giấy chứng minh nhân dân số** (Ghi mỗi số vào một ô)

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

5. **Hộ khẩu thường trú:**

trống sau:

--	--

Mã tỉnh (Tp)

--	--

Mã huyện(quận)

--	--	--

Mã xã(phường)

Ghi rõ tên tỉnh (thành phố), huyện (quận), xã (phường) vào dòng

.....

6. **Địa chỉ nhận giấy báo dự thi:**.....

Điện thoại 1:....., **Điện thoại 2:**....., **Email:**.....

B. ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NĂNG KHIẾU

7. **Ngành đăng ký dự thi**

Tên ngành :, Mã ngành

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

8. **Môn đăng ký:**.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trong Đơn đăng ký dự thi này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu xử lý theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngày.....tháng.....năm 2016

Chữ ký của thí sinh